TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trung

Ông Trương Công Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2022 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Ngọc M** - sinh năm 1989

HKTT: Ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ 30, khu 4, ấp 8, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tất Đ** - sinh năm: 1981

Địa chỉ: Số F3/072B, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M, anh Đ cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2022, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đ quen biết nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/12/2010. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn tôi và anh Đ sống chung tại nhà chồng tại địa chỉ ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng đầu năm 2021, phần lớn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Tôi và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, vợ chồng hay cãi nhau trong sinh

hoạt hàng ngày. Anh Đ là người không có trách nhiệm với gia đình con cái, anh thường xuyên đi ra ngoài tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình con cái, tôi cũng không biết được anh đi đâu và làm gì, suốt nhiều năm chung sống với nhau, anh Đ không làm lo cho kinh tế gia đình, tôi phải làm việc gánh vác mọi thứ, con cái đi học anh cũng không quan tâm, phụ giúp tôi, chỉ có gia đình nhà nội phụ giúp tôi do anh Đ không lo lắng cho việc nuôi dưỡng các con. Khoảng tháng 10 năm 2021 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng tôi đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống tại xã ấp T, xã X, huyện T còn anh Đ vẫn ở tại nhà tại ấp N, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi tôi về nhà cha mẹ đẻ ở anh Đ thường xuyên vào quậy phá làm phiền đến cuộc sống của tôi quá nhiều nên khoảng 03 tháng nay tôi phải chuyển lên L làm công ty. Từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay hai vợ chồng không còn qua lại quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, độc lập về mọi mặt. Khi vợ chồng ly thân thời gian đầu tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, tuy nhiên sau khi tôi chuyển lên L đi làm do không có điều kiện tốt nên tôi đã giao lại quyền nuôi dưỡng các con cho anh Đ. Tôi thỉnh thoảng mới về thăm con vì khi tôi về anh Đ hay quậy phá chửi bới nên tôi chỉ gửi tiền cho mẹ tôi để ra gửi cho các cháu. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên và bạn bè hòa giải cho đoàn tụ nhiều lần nhưng không khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Tất Đ.

Về con chung: Vợ chồng tôi chung sống có 03 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 14/12/2011, cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 20/4/2013 và cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 12/02/2020.

Khi ly hôn, tôi đồng ý giao 03 con chung cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con, tôi sẽ giúp việc anh Đ việc nuôi dưỡng con chung theo nhu cầu của các con và khả năng của tôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2023 bị đơn anh Nguyễn Tất Đ trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị M quen biết tìm hiểu nhau một thời gian ngắn thì tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/12/2010. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn tôi và chị M sống chung cùng cha mẹ tôi tại địa chỉ ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng năm 2021, tôi không biết vì nguyên nhân gì chị M tự bỏ về nhà cha mẹ đẻ để sinh sống, chị M là người phụ nữ không có trách nhiệm với gia đình con cái. Chị M cho rằng tôi không có trách nhiệm với gia đình tôi không đồng ý do tôi vẫn làm bán vé số cùng chị M xây dựng kinh tế gia đình. Tôi cũng ít khi tụ tập bạn bè chỉ khi có những dịp lễ đặc biệt tôi mới

tham gia. Khoảng tháng 10/2021 chị M về nhà cha mẹ tại X để sinh sống. Sau khi chị M về đã mang theo 02 con nhỏ về nhà nhưng không chăm sóc và đưa cho bà ngoại nuôi dưỡng nên tôi đã vào nhà chị M để đưa con tôi về nhà nuôi.

Từ khi chị M đi đến nay chị không về thăm con cũng không chu cấp tiền cho tôi nuôi con. Gia đình nhà ngoại vẫn thỉnh thoảng ra thăm các cháu, tuy nhiên cũng không chu cấp tiền cho tôi nuôi con. Tôi nhận thấy chị M là người phụ nữ không có trách nhiệm với gia đình và các con. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cả hai vợ chồng đều không có ý thức hàn gắn, có thái độ bỏ mặc, thời gian đầu tôi có qua lại tìm chị M để hai vợ chồng có điều kiện hàn gắn, tuy nhiên chị M và gia đình đều giấu địa chỉ cũng như thông tin liên lạc của chị M nên tôi cũng không có điều kiện để hàn gắn mối quan hệ. Từ khi ly thân đến nay các con chung do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không chu cấp tiền nuôi dưỡng các con cũng như không thăm nom con nên chị M không có quyền nuôi dưỡng các con.

Nay nhận thấy vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài (khoảng 02 năm), tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, tình trạng mâu thuẫn kéo dài. Vì vậy chị M nộp đơn ly hôn tôi đồng ý theo yêu cầu của chị M.

Về con chung: Vợ chồng tôi chung sống có 03 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 14/12/2011, cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 20/4/2013 và cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 12/02/2020. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay tôi làm nghề bán vé số thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 3 triệu rưỡi. Ngoài ra tôi còn sống cùng với cha mẹ nên có điều kiện được cha mẹ phụ giúp về kinh tế giúp tôi nuôi dưỡng các con cũng như chăm sóc cho các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Tất Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn T, sinh ngày 14/12/2011, cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 20/4/2013 và cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày

12/02/2020 cho anh Nguyễn Tất Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị Trần Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Bị đơn anh Nguyễn Tất Đ hiện đang cư trú tại số F3/072B, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Tất Đ tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/12/2010. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị M và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự cả chị M và anh Đ đề thừa nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng chị M và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn sau một thời gian chung sống với nhau, mâu thuẫn gay gắt vào năm 2021 phần lớn nguyên nhân do vợ chồng không có trách nhiệm với cuộc sống hôn nhân, bỏ mặc cho mâu thuẫn xảy ra. Vợ chồng ly thân nhau khoảng gần 02 năm nay và không quan tâm cuộc sống của nhau, chị M và anh Đ đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc do cả hai đều đã hết tình cảm và không còn muốn gắn bó với nhau.

Theo cả nguyên đơn chị M và bị đơn anh Đ đều cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong

cuộc sống gia đình, cả hai đều thừa nhận quá trình sống ly thân vợ chồng không còn qua lại với nhau, anh Đ đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị M tuy nhiên do bận rộn công việc không có điều kiện đi lại nên anh không thể lên Tòa án làm việc.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đến nơi cư trú của anh Đ để xác minh thu thập chứng cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh Đ cùng với đó đến nhà anh Đ để lấy lời khai, anh Đ đồng ý cung cấp lời khai và nhận các văn bản giấy tờ của Tòa án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh Đ không đến tham gia hòa giải với lý do bận rộn công việc và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy có thể nhận thấy cả chị M và anh Đ đều không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng, có thái độ bỏ mặc, không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị M và anh Đ đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 14/12/2011, cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 20/4/2013 và cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 12/02/2020. Hiện các con chung đang sống cùng anh Đ và ông bà nội.

Xét yêu cầu, ý kiến của các đương sự trong vấn đề nuôi dưỡng con chung, nhận thấy: Quá trình vợ chồng chị M và anh Đ xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, các con chung do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng với sự giúp đỡ của gia đình, các cháu đều phát triển tốt. Chị M và anh Đ đều thống nhất ý kiến với nhau về việc giao cả 03 con chung cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần ghi nhận ý kiến của anh chị trong vấn đề này. Anh Đ hiện làm nghề bán vé số có thu nhập tương đối ổn định, ngoài ra anh có sự giúp đỡ kinh tế từ gia đình, vì vậy nên anh Đ có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ và căn cứ vào nguyện vọng của các cháu muốn được tiếp tục sống cùng anh Đ nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn T, cháu Nguyễn Đăng K và cháu Nguyễn Hải Đ1 cho anh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không có yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị M và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 11, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc M về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Tất Đ.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn T, sinh ngày 14/12/2011, cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 20/4/2013 và cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 12/02/2020 cho anh Nguyễn Tất Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị M.

Chị Trần Thị Ngọc M được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009025 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Tất Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H.Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã Q, H. T, T. Đồng Nai
(số ĐKKH 19, quyển số 02/2010 ngày 03/12/2010);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên**

Phan Ngọc Thành